TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Số: 24/2022/QĐCNTTLH	V, ngày 13 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HOÀ GIẢI TẠI TOÀ ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 55; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của chị Trần Thị H và anh Phan Văn T.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị H.

- Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2022 về thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hoà giải sau đây:

Người khởi kiện: chị Trần Thị H, sinh năm: 1980
Địa chỉ: thôn C, xã G, huyện V, tỉnh N

Người bị kiện: anh Phan Văn T, sinh năm 1982
Địa chỉ: thôn C, xã G, huyện V, tỉnh N

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hoà giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải ngày 26 tháng 5 năm 2022 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hoà giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải ngày 26/5/2022 cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân**:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Phan Văn T.

1.2. Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Phan Văn T cùng xác nhận vợ chồng có một con chung: Cháu là Phan Thị C, sinh ngày 10/12/2013. Chị H anh T cùng thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn sẽ giao cháu Phan Thị C cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ tháng 06 năm 2022 cho đến khi cháu Phan Thị C đủ 18 tuổi. Anh Phan Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng. Sau khi ly hôn, ng□ời không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai đ□ợc cản trở.

1.3. Về tài sản và công nợ chung: Chị Trần Thị H và anh Phan Văn T xác nhận vợ chồng tự thoả thuận nên không đề nghị toà án xem xét giải quyết. Do vậy về quan hệ tài sản chung và công nợ chung Toà án không xem xét giải quyết.

1.4. Về các vấn đề khác: Chi phí hòa giải các bên không phải chịu.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện V;
- THADS huyện V;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

Hà Thiện Thành